

GIỚI THIỆU SÁCH

KINH ĐẠO NAM - MỘT CUỐN SÁCH QUÝ

Đào Duy Anh sưu tập và khảo chứng, Nguyễn Thị Thanh Xuân phiên âm, chú thích.
Nxb. Lao Động, 2007, 390 trang.

Cuốn sách là tập thơ văn, giảng bút trong quãng thời gian từ tháng 9 đến tháng 10 Âm lịch năm 1923 tại đàn Thiện Hưng, lập tại xã Hạc Châu, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, do nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Thanh Xuân phiên âm và chú thích, dựa trên bản gốc chữ Nôm do GS. Đào Duy Anh truyền lại⁽¹⁾. Trong sách, ngoài phần phiên âm và ảnh chụp bản Nôm, phần khảo tả văn bản của Nguyễn Thị Thanh Xuân, còn có bài *Tìm hiểu phong trào Thiện đàn đối với cuộc vận động ái quốc - Kinh Đạo Nam* trích từ hồi kí *Nhớ nghĩ chiều hôm*⁽²⁾ của GS. Đào Duy Anh.

Chuyện thần tiên giảng thơ đã có từ lâu trong dân gian. Bài thần bút xưa nhất mà ta biết vốn được coi của Lý Thường Kiệt có lẽ là bài *Nam quốc sơn hà* trong cuộc kháng chiến chống Tống năm 1076. Nhưng trong các thế kỉ XV-XVIII, do Nho giáo coi là tin nhảm, việc cầu thơ tiên khó phát triển và văn thơ giảng bút cũng không được lưu truyền lại⁽³⁾. Quãng thời gian từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, suốt từ Bắc chí Nam bỗng rộ lên một phong trào lập đàn cầu thơ tiên. Trong giai đoạn này, văn thơ giảng bút (cũng được gọi là kinh) đáp ứng nhu cầu đoán tương lai, chữa bệnh và nhất là khuyến thiện (vì thế đàn lập ra thường

được gọi là thiện đàn hay đàn chí thiện) thường được khắc in và lưu hành rộng rãi. Tuy nhiên vì nhiều lí do, trong đó có quan niệm vô thần cực đoan và cách hiểu văn hóa còn phiến diện một thời, phần lớn các văn bản đã bị mai một.

Các nhà nghiên cứu từ lâu đã thấy văn thơ giảng bút giai đoạn này là một mảng nghiên cứu cần thiết, phản ánh tư tưởng, tâm lí nhân dân trong một bước chuyển biến quan trọng: thời kì phong trào kháng chiến chống Pháp đã đi đến chỗ tàn lụi, tư tưởng Nho giáo đã bất lực trong việc bảo vệ nền độc lập dân tộc và đang mất đi uy tín độc tôn của nó. Lấp vào chỗ trống này, những tín ngưỡng dân gian có cơ hội phát triển và những tư tưởng mới bắt đầu bén rễ. Những thành phần dân cư mới đang hình thành, trong đó có những nhà Nho chuyển sang tìm hiểu sức mạnh của văn minh Phương Tây, tìm đọc *Tân thư*, có tư tưởng Duy tân. Họ dễ dàng tìm thấy ở cầu cơ giảng bút một phương tiện, một môi trường đến với quần chúng, để một mặt, kêu gọi giữ gìn phong tục, lối sống tốt đẹp của dân tộc, bài trừ hủ tục lạc hậu, vận động quyên góp tu bổ di tích, mặt khác, truyền bá những tư tưởng và quan niệm mới, thậm chí bày tỏ lòng yêu nước, kêu gọi chống Pháp một cách bán công khai. Cũng cần nhắc tới, một số thành phần mới nổi, đặc biệt là thị dân mới, ngày một đông và có quan hệ ngày càng chặt chẽ với chế độ thực dân thông qua các hoạt động buôn bán, dịch vụ. Họ có thể là viên chức, thông dịch, thư kí, cai thầu... chịu

1. Theo GS Đào Duy Anh thì kinh này từng được phiên âm ra chữ Quốc ngữ, in ở Sài Gòn và phát hành ở Nam Kỳ.

2. Đào Duy Anh. *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb. Trẻ, 2000. Xuất bản lần đầu năm 1989.

3. Trong các tiên thoại về Liễu Hạnh ở thế kỉ XVI, ta có gặp một vài bài thơ xướng họa của vị Thánh Mẫu này.

ảnh hưởng của những quan niệm thần bí Phương Đông, giờ đây tiếp nhận văn hóa Phương Tây, trong đó có cả sách báo về thông linh học – một sự gặp gỡ với tục cầu thơ tiên vốn có từ xưa. Những thành phần mới nổi này không chỉ dễ trở thành bộ phận tín đồ nhiệt thành của các hình thức tín ngưỡng dân gian như đồng cốt, cầu tiên, mà còn là nguồn cung cấp tài lực cần thiết cho sinh hoạt rất tốn kém của các hình thức này. Như vậy, có lẽ chính sự suy giảm của Nho giáo và sự hình thành những thành phần dân cư mới là nguyên nhân trực tiếp về mặt tư tưởng và xã hội khiến các hình thức tín ngưỡng từng bị quan niệm Nho giáo lên án, trong đó có tục cầu thơ tiên, có cơ hội bùng phát trở lại nhưng mang những nội dung phản ánh sự biến chuyển của thời đại.

Liệu có mối liên hệ gì giữa phong trào giáng bút quăng thời gian này với các hiện tượng văn hóa - chính trị mới xuất hiện đầu thế kỉ XX như các phong trào Duy Tân, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Chấn hưng Phật giáo, các tôn giáo Cao Đài, Hòa Hảo, các đảng chính trị (Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội, Việt Nam Quốc Dân đảng, Đảng Cộng sản Đông Dương...)? Với trường hợp đạo Cao Đài, chúng ta thấy rõ sự ra đời của nó chính là dựa trên các đàn cầu cơ ở Nam Bộ⁽⁴⁾, nhưng với các trường hợp khác thì cần phải vén đi nhiều lớp che phủ mới nhận ra được. GS. Trần Văn Giàu, ngay trong thời kì Miền Bắc đang chịu ảnh hưởng mạnh của quan niệm vô thần có xu hướng phủ nhận sạch trơn mọi giá trị của thứ tín ngưỡng bị coi là mê tín này, đã là người sớm nhất nghiên cứu văn thơ giáng bút thời kì giữa hai thế kỉ với tư cách là một hình thức phản ánh những chuyển biến về tư tưởng xã hội, và đặt nó trong tiến trình của *Sự phát triển của tư tưởng*

ở Việt Nam từ thế kỉ XIX đến Cách mạng tháng Tám⁽⁵⁾.

Như vậy, để lí giải những hiện tượng văn hóa - chính trị - tôn giáo quan trọng đầu thế kỉ XX, chúng ta không thể bỏ qua các thiên đàn và mảng văn thơ giáng bút với tư cách như một phương tiện quan trọng biểu đạt tâm lí nhân dân và chuyển tải tư tưởng xã hội trong giai đoạn chuyển đổi đặc biệt ấy. Ở đây, ta còn chưa nói đến những giá trị rất cao về văn học, về ngôn ngữ học của loại thơ văn này.

Theo báo cáo *Văn thơ Nôm giáng bút với việc kêu gọi lòng yêu nước và chấn hưng văn hoá dân tộc cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX* của TS. Nguyễn Xuân Diện⁽⁶⁾, Viện Nghiên cứu Hán Nôm đã quan tâm sưu tầm loại tài liệu này nhưng mới thu thập được một số nhỏ (165 tên tài liệu) so với số bị thất lạc. Tài liệu có niên đại sớm nhất vào năm 1825, quãng thời gian xuất hiện nhiều bản giáng bút nhất là các năm 1870-1898 và 1906-1911. Tất cả đang cần được khảo chứng văn bản, phiên âm và xuất bản.

Trở lại, *Kinh Đạo Nam* có thể được xem là cuốn sách đầu tiên trong văn thơ giáng bút thời kì này được xuất bản, kể từ ngày đất nước thống nhất. Về mặt văn bản, nó có nguồn gốc hoàn toàn tin cậy, được bảo quản tốt, hầu như nguyên vẹn, có ảnh chụp bản gốc đầy đủ, được khảo

4. Kinh của đạo Cao Đài thông qua cầu cơ gọi là *Thánh ngôn*, được các tổ chức của đạo này in ấn nhiều lần, đã trở thành một hiện tượng khác, ở đây chúng ta không bàn đến.

5. Trần Văn Giàu. *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỉ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, tập 1: *Hệ ý thức phong kiến*, KHXH, Hà Nội 1973. Xem các trang từ 522-526 trong bản in lại năm 1996 của Nxb. Chính trị - Quốc gia.

6. Nguyễn Xuân Diện. *Văn thơ Nôm giáng bút với việc kêu gọi lòng yêu nước và chấn hưng văn hoá dân tộc cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX*, Hội nghị quốc tế về chữ Nôm, Hà Nội, 11/2004.

cứu nghiêm túc. Còn về mặt nội dung, học giả Đào Duy Anh đã viết: “Thế mà xem kiến thức trong kinh ấy thì phải là người hiệp thiệp Kinh Sử cùng Dịch Lão và đọc nhiều *Tân thư* mới làm nổi. Kinh ấy có thể xem như một tác phẩm tổng hợp về kiến thức và tư tưởng mới của giới Nho học cả một thời” (tr. 28); “Có thể nói đây là tác phẩm tập đại thành tất cả những tư tưởng của giới Nho học tiến bộ trong phần tư đầu thế kỉ XX về đủ mặt đạo đức, chính trị, xã hội, kinh tế” (tr. 28). Chú ý rằng đây là nhận xét ở tầm của một trong những nhà sử học Việt Nam lớn nhất thế kỉ XX đồng thời cũng là một nhà văn hóa lớn.

Cuối cùng, chúng tôi xin nói đôi lời về đoạn trích từ Hồi kí *Nhớ nghĩ chiều hôm* mà Nguyễn Thị Thanh Xuân đã có sáng kiến đưa vào sách, bởi đây thực sự là một công trình khảo cứu sâu sắc và thận trọng của học giả Đào Duy Anh về hiện tượng thần tiên giáng bút. Bên cạnh việc trình bày tình hình hoạt động của các thiện đàn ở Bắc Bộ hồi đầu thế kỉ XX, cách tổ chức và bài trí của một thiện đàn, trích bình nhiều đoạn trong Kinh, nhận xét về nội dung và hình thức Kinh, học giả Đào Duy Anh đã trả lời trực diện các câu hỏi mà một nhà nghiên cứu tất nhiên phải đặt ra: Cầu thơ tiên là một hoạt động tôn giáo hay là hoạt động lợi dụng tôn giáo? Thơ ca giáng bút là tiên thánh làm hay người phàm mượn tiếng thần tiên làm, người chấp bút thuộc lòng thơ từ trước hay ứng tác?, v.v... Từ những hiểu biết và tin cậy của ông về tư cách của người chấp bút *Kinh Đạo Nam* là ông Nguyễn Ngọc Tĩnh, một nhà Nho yêu nước, “một người hiền lành thật thà như đếm”⁽⁷⁾, học giả Đào Duy Anh đã phân tích các khả năng có thể xảy ra, để đi đến khẳng định rằng, đây là hiện tượng tôn giáo. Kinh giáng bút được sáng tác trực tiếp, không có lừa bịp (dĩ nhiên không kể

những trường hợp có người lợi dụng, tức giả cầu tiên). Theo ông, có thể “trong cái không khí có tính chất tôn giáo đặc biệt”, “khiến cái mà người ta gọi là tiềm thức hay cái thức gì đó của người cầm kê và của mọi người có mặt ở đây hoạt động thế nào mà kết quả khiến năng lực sáng tạo của người cầm kê tăng lên bao nhiêu và hình như phản ánh được cả bao nhiêu kiến thức tư tưởng của hoàn cảnh và thời đại mà trực tiếp hay gián tiếp họ đã có thể tiếp xúc, có khi là một cách ngẫu nhiên và vô ý thức (những cái chưa ai từng thấy, từng nghe, từng nghĩ trong xã hội đương thời thì không thể có trong thơ ca giáng bút). Tôi nghĩ đây không phải hiện tượng thần bí gì, chỉ là một hiện tượng tự nhiên mà khoa học chân chính, tức khoa học trên cơ sở duy vật, chưa giải thích hay xem là đối tượng nghiên cứu cũng như bao nhiêu hiện tượng tự nhiên khác” (tr. 30). Và ông thận trọng nhận xét: “Hiện tượng ấy cố nhiên tôi không thể cắt nghĩa được, cứ xin ghi lại một cách khách quan để chờ khoa học khám phá sau này” (tr. 30). Học giả Đào Duy Anh đã đi xa vĩnh viễn, nhưng chắc chắn niềm tin của ông rằng sẽ đến lúc khoa học chân chính làm sáng tỏ *cái cơ chế hoạt động* của “cái thức gì đó” - một cái thức tập thể chăng?- còn ở lại cùng chúng ta.

Tôi tin các nhà nghiên cứu chính trị, tư tưởng, sử học, tâm lí học, văn hóa, văn học, ngôn ngữ học và các nhà nghiên cứu về tôn giáo sau khi đọc *Kinh Đạo Nam* sẽ đồng ý rằng đây là một cuốn sách quý./.

Đặng Thế Đại

VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

7. Đường đời của ông Nguyễn Ngọc Tĩnh (nhà Nho thi trượt, người cầm kê chấp bút trong thiện đàn, hoạt động cách mạng, đi tù và gia nhập Đảng Cộng sản, cán bộ phiên dịch ở Viện Sử học) tự bản thân nó đã nói lên nhiều điều.

**SÁCH MỚI NHẬP VỀ
THƯ VIỆN VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO**

**TRI THỨC TÔN GIÁO QUA CÁC
VẤN NẠN VÀ GIẢI ĐÁP**

John Renard. Lưu Văn Hy và nhóm Trí Tri dịch, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2005, 569 tr.

Qua việc cố gắng nêu bật những xu hướng của các truyền thống tôn giáo chính của thế giới, và những vấn nạn của các truyền thống đó, tác giả *John Renard* đưa ra những giải đáp nhằm hỗ trợ độc giả đánh giá và tiếp cận những tri thức mà cuốn sách đã khảo sát.

Ngoài nội dung chính của sách gồm 4 phần, tác giả còn giới thiệu *bảng niên đại về các sự kiện lớn của thế giới*, chủ yếu là tri thức tôn giáo, từ năm 4000 trước công nguyên.

Phần *Bối cảnh chung*, tác giả giới thiệu về những cách minh định và các phương pháp nghiên cứu tôn giáo như: lịch sử và các nguồn tài liệu; các niềm tin tôn giáo; các dấu hiệu và biểu tượng; thành viên, cộng đồng và tính đa dạng; sự lãnh đạo, quyền lực và tổ chức; nhân vật và quyền lực; những ngày lễ, ngày kỉ niệm; các tập tục và lễ nghi của tôn giáo nói chung.

Trong các phần tiếp theo của cuốn sách, tác giả giới thiệu về các truyền thống tôn giáo cụ thể bắt nguồn ở Trung Đông như Do Thái giáo, Kitô giáo và Hồi giáo; từ Nam Á như Ấn giáo, Phật giáo; từ Đông Á như Đạo giáo và các truyền thống của cộng đồng Trung Hoa, Thần đạo (Nhật Bản). Ở mỗi tôn giáo, tác giả trình bày theo một trật tự nhất quán như phần *Bối cảnh chung* với những câu hỏi liên quan trực tiếp đến mọi hoạt động,

ngghi lễ của tôn giáo và giải thích rõ ràng từng câu hỏi đó. Các câu hỏi có thể là từ *lịch sử và nguồn gốc* hình thành của mỗi tôn giáo như chúng bắt đầu từ khi nào? và ai là người sáng lập? hoặc với *các niềm tin tôn giáo* thì có những câu hỏi sao cho phù hợp với từng tôn giáo, chẳng hạn như Có tín điều Kitô giáo không? Có tín điều Islam giáo không? hay Khổng giáo có được gọi là truyền thống tôn giáo không?...; Phần *các dấu hiệu và biểu tượng* cũng có những câu hỏi căn bản như: Có bất kì dấu hiệu hay biểu tượng nào để nhận biết ra một người là tín đồ của một tôn giáo? Nữ tín đồ Islam giáo có bắt buộc phải mang mạng che mặt không?...; Ngoài ra còn các phần nội dung khác được trình bày rất súc tích như: thành viên, cộng đồng và tính đa dạng; sự lãnh đạo, quyền lực và tổ chức; nhân vật và quyền lực; những ngày lễ, ngày kỉ niệm thường lệ; các tập tục và lễ nghi của các tôn giáo truyền thống thế giới.

TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN HUẾ

**Trần Đại Vinh, Nxb. Văn hóa Thông tin,
Hà Nội 2006, 287 tr.**

Ở Huế, ngoài Phật, Đạo, Nho, và Kitô giáo, còn có một tín ngưỡng dân gian. Đó là văn hóa tinh thần thích ứng cuộc sống trên vùng đất mới, kế thừa tín ngưỡng dân gian Việt Nam và dung hợp với tập tục tín ngưỡng của cư dân Việt của cư dân Chăm bản địa, và của một số người Hoa nhập cư. Tín ngưỡng này đã chi phối sâu sắc nếp sinh hoạt vật chất và tinh thần của cư dân, chịu ảnh hưởng từ Tam giáo, và đến lượt mình lại tác động trở lại các tôn giáo đó.

Cuốn sách gồm 10 chương trình bày về tín ngưỡng dân gian Huế với cái nhìn tổng quát và chuyên sâu qua từng phương diện cụ thể.

Trước hết, tác giả trình bày về lịch sử hình thành cư dân Huế với ba thành phần cơ bản: cư dân Indonésien, cư dân gốc Chăm, cư dân gốc Hoa. Họ đã sống hòa hợp trên đất Huế với cư dân Việt chủ thể, tạo nên một bộ mặt cư dân có nguồn gốc đa dạng của cố đô Huế. Do kết cấu cư dân đa dạng nên nguồn gốc hình thành tín ngưỡng dân gian Huế cũng bao gồm nhiều yếu tố khác nhau. Tín ngưỡng dân gian truyền thống của dân tộc Việt, kế đến là tàn dư tín ngưỡng của cư dân Chăm, cư dân Indonésien và sự giao hòa với tín ngưỡng của người Hoa trên nền chi phối của các tôn giáo truyền thống như: Phật, Đạo, Nho. Sau đó, cuốn sách giới thiệu các phạm trù tín ngưỡng dân gian Huế. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên như lễ kị giỗ, lễ tảo mộ, lễ cúng gia tiên theo sóc vọng, lễ tiết, lễ trai tiểu bạt độ; thờ cúng thần linh; tín ngưỡng thần bảo hộ nhà và nam giới; thần bảo hộ phụ nữ; và thờ cúng vật linh.

Trong chương *Phạm vi của tín ngưỡng dân gian Huế*, tác giả trình bày về các phạm vi gia đình, dòng họ và xóm làng. Trong xóm làng có các thần linh được thờ trực tiếp ở am miếu, thờ vọng ở đình làng, thờ Phật ở chùa, và một số nơi thờ khác, các lịch lễ cơ bản của làng xã ở Huế. Cùng với việc phân loại về phạm vi thờ cúng của thần linh, tác giả còn phân loại việc

thờ cúng theo giới tính và lứa tuổi, chẳng hạn như nữ giới thì có lễ cúng bà bốn mạng, lễ cúng thành; lễ cúng cho con trẻ có lễ cúng đầy tháng, đầy năm, lễ cúng quan sát, lễ cúng bán khoán cho thánh, thần, v.v... Việc thờ cúng theo ngành nghề của cư dân Huế cũng rất phong phú, đa dạng mà theo tác giả có ba loại ngành nghề chính: Thờ cúng của cư dân nghề nông có thần Tiên Nông, Hậu Tắc và một số thần nông nghiệp khác. Thờ cúng của cư dân nghề cá thì có lễ trình nghề, lễ cầu ngư, lễ tang Cá Ông. Thờ cúng của ngư dân các ngành nghề thủ công như: Tổ nghề mộc, nghề nề, rèn, kim hoàn, thêu, gốm, chạm và các phường hội khác.

Ngoài ra tác giả cũng dành những trang sách đáng kể để giới thiệu với bạn đọc về các kiểu kiến trúc thờ tự theo tín ngưỡng dân gian Huế; tranh dân gian, văn chương, ca vũ nhạc phục vụ trong tín ngưỡng dân gian Huế. Cuối cùng, tác giả đề cập những ảnh hưởng của tín ngưỡng dân gian Huế đối với các tôn giáo như Phật giáo, Đạo giáo và Kitô giáo. Phần cuối, cuốn sách sơ lược trình bày về những chặng đường của tín ngưỡng dân gian Huế từ 1975 đến nay và những triển vọng trong thời gian tới.

Nguyễn Quế Hương